TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2018
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH N

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Lương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Bảo và ông Triệu Văn Giản.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Trung Kiên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa***: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1985

Hộ khẩu: Số 3 Nguyễn Văn Vịnh, phường Hạ Long, thành phố N, tỉnh N.

Địa chỉ cư trú: 2/81 Trần Nhật Duật, phường Vị Xuyên, thành phố N, tỉnh N.

- ***Bị đơn***: Anh Vũ Duy T – sinh năm 1983

Hộ khẩu: Thôn Lập Vũ, xã Hợp Hưng, huyện V, tỉnh N.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Thịnh Lộc, thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh N.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2017 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Duy T có thời gian tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Hưng, huyện V, tỉnh N.

Sau khi kết hôn, do tính cách và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng bất đồng và không hợp nhau nên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay không thể tiếp tục chung sống. Nay xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng kéo dài không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Phương T, sinh ngày 03/01/2010. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Vũ Duy T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Hưng, huyện V, tỉnh N.

Quá trình chung sống anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên trong cuốc sống chung vợ chồng hay xảy ra xích mích, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn do vợ chồng vẫn còn tình cảm.

Về con chung: Anh Vũ Duy T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Phương T, sinh ngày 03/01/2010. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Vũ Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh ngày 16/3/2018 của Tòa án tại nơi vợ chồng chị T và anh T sinh sống, chính quyền địa phương đã cung cấp: quá trình chung sống giữa chị T và anh T không thường xuyên xảy ra mâu thuẫn lớn dẫn đến tổ dân phố phải hòa giải, khoảng hơn một năm trở lại đây anh T không còn chung sống cùng chị T và vợ chồng cũng ly thân từ thời gian đó đến nay. Vợ chồng chị T và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Phương T, sinh ngày 03/01/2010 hiện nay đang ở cùng chị T.

4. Tại phiên tòa hôm nay: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về tình cảm vợ chồng và về con chung, tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của

Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T đã trầm trọng kéo dài, không hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T.

Về con chung: Do cháu Vũ Phương T hiện đang ở cùng chị T cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ nên cần giao con chung cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T có thời gian tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Hưng, huyện V, tỉnh N nên là hôn nhân hợp pháp.

[2] Quá trình chung sống của vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống vợ chồng khác nhau, vợ chồng bất đồng và không hợp nhau nên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng vẫn không thay đổi, đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay không thể tiếp tục chung sống. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T, anh T không đồng ý ly hôn nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất được về việc nuôi con chung. Xét mâu thuẫn của chị T và anh T không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Phương T, sinh ngày 03/01/2010. Chị T và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh T không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chung, để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của cháu cũng như phù hợp với quy định của pháp luật nên giao cháu Vũ Phương T cho chị Hoàng Thị T trực

tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên, xét sự tự nguyện của chị T là phù hợp và không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao dục con chung là cháu Vũ Phương T, sinh ngày 03/01/2010. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Vũ Duy T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ, thăm hỏi và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001129 ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N được đối trừ.

4. Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Duy T được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS tp. N;
- UBND xã Hợp Hưng, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lương